**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ QUÝ I/2024**

**QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂNG ĐỘNG DC**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

**1.1. Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**1.2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Tính đến kỳ báo cáo, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 43.88 (%) so với kỳ báo cáo (31/03/2023); thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là +42.11 (%).

**1.3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư năng động vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các tài sản tài chính khác. Các tài sản này bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ, chứng khoán phái sinh.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ lệ đầu tư tối đa 100% tài sản vào cổ phiếu. Tuy nhiên tỷ lệ này là không cố định. Ví dụ khi thị trường chứng khoán đối diện với nhiều biến động, Quỹ có thể gia tăng tỷ trọng đầu tư vào các cổ phiếu thuộc nhóm ngành phòng thủ và/hoặc tăng tỷ trọng các tài sản mang tính phòng thủ cao như tiền mặt, tiền gửi, giấy tờ có giá và các công cụ phòng vệ tài chính. Như vậy tùy theo diễn biến của môi trường kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán mà Quỹ sẽ linh hoạt thực hiện chiến lược phân bổ tài sản hợp lý giữa cổ phiếu và các tài sản tài chính khác nhằm tối đa hóa lợi ích của nhà đầu tư và hạn chế rủi ro danh mục.

**1.4. Phân loại Quỹ**

Quỹ là quỹ công chúng dạng mở.

**1.5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6. Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình – cao.

**1.7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 20 tháng 5 năm 2004.

**1.8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 1,790,107,106,040 Đồng Việt Nam, tương ứng với 23,476,030.05 Chứng chỉ Quỹ.

**1.9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**1.10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**1.11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi chuyển đổi cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2024.

**2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/03/2024** | **31/03/2023** | **31/03/2022** |
| Danh mục chứng khoán | 95.96% | 87.22% | 88.05% |
| Tài sản khác | 4.04% | 12.78% | 11.95% |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

**2.2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2024** | **31/03/2023** | **31/03/2022** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 1,790,107,106,040 | 1,244,136,165,011 | 1,840,024,386,720 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) | 23,476,030.05 | 23,186,288.61 | 23,725,207.84 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 76,252.54 | 53,658.27 | 77,555.66 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 76,579.99 | 56,132.72 | 79,492.40 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 64,994.52 | 51,278.13 | 72,729.95 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 16.02% | 4.13% | -1.26% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 9.38% | 3.73% | -2.52% |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 6.64% | 0.40% | 1.26% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.14% | 2.18% | 2.35% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 352.50% | 633.48% | 105.28% |

**2.3. Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| 1 năm | 42.11 | 42.11 |
| 3 năm | 36.51 | 10.93 |
| Từ khi thành lập | 662.53 | 10.77 |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **31/03/2024** | **31/03/2023** | **31/03/2022** |
| **Tỷ lệ tăng trưởng (%)/ 1 đơn vị CCQ** | 42.11% | -30.81% | 38.85% |

**3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

VNINDEX tăng 2.5% trong tháng 3, đóng cửa tại mức 1,284.09 điểm, tăng 13.6% so với đầu năm. Thanh khoản trung bình trong quý 1 là hơn 21,360 tỷ đồng, tăng 35.7% so với quý 4 năm trước đó.

Những điểm chính của thị trường trong Q1/2024:

i. Thanh khoản bình quân mỗi phiên của VN-Index lên mức cao nhất trong hai năm và là tháng tăng thứ ba liên tiếp

ii. SSC mở đường giải quyết vấn đề cấp vốn trước. Điều này đã nhận được sự hoan nghênh từ cả Ngân hàng Thế giới và FTSE khi có thể giảm bớt khó khăn giao dịch và thu hút dòng vốn quốc tế.

iii. Luật Đất đai sửa đổi hâm nóng thị trường bất động sản.

**4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 22.35% | 6.29% | 370.07% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 19.75% | 30.22% | 292.45% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 42.11% | 36.51% | 662.53% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 42.11% | 10.93% | 10.77% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2024**  **(1)** | **31/03/2022**  **(2)** | **Tỷ lệ thay đổi**  **(3)=((1)-(2))/(2)** |
| **Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ** | 1,790,107,106,040 | 1,244,136,165,011 | 43.88% |
| **Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ** | 76,252.54 | 53,658.27 | 42.11% |

Trong giai đoạn 31/3/2023 – 31/3/2024, quỹ DCDS có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng 42.11% nhờ các cổ phiếu trong danh mục Quỹ đạt tăng trưởng tốt. Tổng giá trị tài sản ròng tăng 43.88% trong cùng giai đoạn nhờ phát hành thêm chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ**  **(Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
|  |  |  |  |
| Dưới 5.000 | 27,271 | 8,102,060.47 | 34.51% |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 297 | 2,032,068.03 | 8.66% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 247 | 4,981,770.77 | 21.22% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 49 | 4,991,363.32 | 21.26% |
| Trên 500.000 | 3 | 3,368,767.46 | 14.35% |
| **Tổng cộng** | **27,867** | **23,476,030.05** | **100.00%** |

**4.3. Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ DCDS, Công ty qui định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ DCDS với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

GDP Việt Nam quý I 2024 tăng 5,7% so với cùng kỳ, đánh dấu mức tăng trưởng quý 1 cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Cụ thể, đóng góp phần lớn vào tăng trưởng trên là ngành công nghiệp với xuất khẩu tăng 14% so với cùng kỳ trong tháng 3, tương ứng với tăng trưởng theo quý ở mức 17%, trong đó chủ yếu đến từ nhóm ngành đồ điện tử, dệt may và da giày. Nhóm ngành dịch vụ liên quan đến du lịch duy trì đà hồi phục và tăng trưởng khi du khách quốc tế vượt 1,6 triệu lượt, cao hơn 13% so với giai đoạn trước Covid, đóng góp bởi sự quay lại của nhóm khách Trung Quốc. Tuy nhiên tiêu dùng bán lẻ vẫn chưa quay trở lại mắc tăng trưởng bằng mức trước đại dịch Covid. Ở mặt khác, sự mạnh lên của đồng USD đang tạo ra những áp lực cho kinh tế Việt Nam. Kinh tế Việt Nam được dự phóng sẽ tăng trưởng ở mức GDP 6-6,5% trong năm 2024, mặc dù có những khó khăn trong ngắn hạn. Chúng tôi cho rằng chính sách tiền tệ vẫn sẽ tiếp tục được duy trì nới lỏng, tuy nhiên Ngân hàng nhà nước sẽ cân bằng hơn trong việc ổn định tỷ giá và lãi suất. Sau mức giảm mạnh 70-90 điểm cơ bản từ đầu năm, lãi suất huy động có thể sẽ tăng 30-50 điểm cơ bản trong các tháng tới. Đây có thể được coi như một đợt “điều chỉnh lãi suất giữa chu kỳ giảm lãi suất” để giảm bớt áp lực tỷ giá.

**6. THÔNG TIN KHÁC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tên** | **Chức vụ** | | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Nhân sự điều hành Quỹ | Bùi Minh Long | Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư | | Thạc sỹ Tài chính | - Từ 01/07/2020 đến 31/12/2020: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  - Từ 01/01/2021 đến nay: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam. |
|  | Nguyễn Sang Lộc | Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư | | Cử nhân Tài chính | - Từ 16/04/2016 đến 31/12/2016: Chuyên viên nghiên cứu cấp cao – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  - 1/1/2017 đến 31/12/2020: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  - Từ 01/01/2021 đến nay: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Ban đại diện Quỹ | Hoàng Kiên | Chủ tịch | | Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Tài chính | - 1992 – 1997: Chuyên viên phụ trách Hợp đồng dịch vụ dầu khí tại Petro Vietnam Petechim.  - 2000 – 2015: Phân tích tài chính/Quản lý Danh mục đầu tư tại Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.  - 2015 – nay: Tư vấn tài chính tự do. |
| Đặng Thái Nguyên | Phó Chủ tịch | | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế | - 2003-2006: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa  - 2006-nay: Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt |
| Lê Thị Thu Hương | Thành viên | | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | - 2001-2011: Kiểm toán viên - Phó giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán AS  - 2012: Giám đốc Công ty Hợp danh Kiểm toán FA  - 2013-2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín  - 2017-2020: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín  - 2020 đến nay: Sáng lập viên & Giám đốc Công ty TNHH kiểm toán Chuẩn Vàng |
| Phạm Thị Thanh Thúy | Thành viên | | Luật sư | - Luật sư tư vấn nội bộ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Beat Schurch | Tổng Giám đốc | | Thạc sỹ Kinh tế | - 08/1996 - 07/2002: DKSH Vietnam, Giám đốc phụ trách thị trường Việt Nam, Campuchia  - 12/2002 - 02/2004: Lanamatic Asia, Đại diện thường trú tại Thái Lan  - 03/2004 - 08/2006: Synovate Thailand, Trưởng bộ phận tư vấn kinh doanh  - 09/2006 - 03/2009: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc Tài chính  - 04/2009 - 01/2010: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc điều hành, bộ phận Vốn cổ phần  - 03/2010 - 03/2011: Dragon Capital Group: Giám đốc, phụ trách vận hành  - 04/2011 - 12/2016: VPĐD Dragon Capital Group Ltd tại Tp HCM: Trưởng Đại diện  - 12/2016 - 12/2020: VPĐD Dragon Capital Management (HK) Ltd tại Tp HCMC: Trưởng đại diện  - 12/2020 - nay: Tổng Giám đốc, công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
|  | | | *Tp.HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2024*  **LÊ HOÀNG ANH**  **Quyền Giám đốc, bộ phận Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư** | | |